

Nhi 2016

1. Ngăn ngừa áp xe vú, cách nào không phù hợp:
 - a. Kiểm tra sữa sau mỗi lần cho con bú
 - b. Không cho bú khi vú mới viêm
 - c. Phát hiện điều chỉnh ngậm bắt vú kém
 - d. Cho trẻ bú thường xuyên
 - e. Mẹ mặc áo rộng rãi
2. Triệu chứng và nguyên nhân vú căng tức và tắc tia sữa, câu nào sai:
 - a. Vú bị đau, sưng nề
 - b. Núm vú sưng đỏ
 - c. Sữa không chảy ra
 - d. Mẹ có sữa nhiều bú không hết
 - e. Mẹ không bị sốt
3. Lợi ích sữa non sớm sau sanh, câu sai
 - a. Giúp trẻ tận hưởng chất diệt khuẩn
 - b. Kích thích tuyến yên mẹ sớm, tiết prolactin, giúp căng sữa sớm.
 - c. Kích thích yên mẹ sớm, tiết oxytocin sớm giúp mẹ ít mất máu hậu sản.
 - d. Giúp các nang dồn sữa, không bị tắc, không bị áp xe vú.
 - e. Giúp trẻ phòng ngừa thiếu Vit D (món này là của tắm nắng)
4. Đặc điểm của sữa non, câu sai
 - a. Có từ tháng 4 của bào thai đến 6 ngày đầu sau sinh
 - b. Màu vàng nhạt
 - c. pH = 7.7
 - d. Ít protein, nhiều lactose, chất béo so với sữa vĩnh viễn (sữa non nhiều vit tan trong giàu hơn AEK)
 - e. Giàu Vit A, ít calcium phosphore.
5. So với sữa mẹ, sữa bò tươi có:
 - a. Lượng đường cao hơn
 - b. Lượng đạm thấp hơn
 - c. Lượng béo thấp hơn.
 - d. Nhiều Vit hơn
 - e. Nhiều khoáng chất hơn
6. Nguyên tắc nuôi trẻ sơ sinh bằng sữa bò, câu sai:
 - a. Tập ăn từ loãng đến đặc
 - b. Từ ít đến nhiều
 - c. Mỗi ngày tăng 30ml cho mỗi bữa ăn
 - d. Tuần thứ 2: 80ml x 6-7 cữ/ ngày
 - e. Tuần thứ 3: 90ml x 6 cữ / ngày
7. Sữa đậu nành:
 - a. Khó tiêu hơn sữa bò
 - b. Nhiều đạm hơn sữa trâu
 - c. Ít đạm hơn sữa mẹ
 - d. Đường cao hơn sữa mẹ
 - e. Béo thấp hơn sữa bò tươi
8. Cách sử dụng rau cho trẻ:
 - a. Rau cung cấp chất sắt, muối khoáng và chất xơ
 - b. Từ tháng 2 có thể cung cho uống nước rau
 - c. Từ tháng 4 có thể cho trẻ ăn rau nghiền nhỏ

- d. Từ tháng 9 có thể cho ăn rau xào
 - e. Nên cho trẻ ăn 1 vào loại rau mà trẻ thích.
9. Trẻ chán ăn trong thời kì ăn dặm cần chú ý các nguyên nhân sau, chọn câu sai:
- a. Do chế biến thức ăn
 - b. Chưa biết đa dạng hóa thức ăn tại địa phương.
 - c. Cần tìm nguyên nhân thực thể
 - d. Đa số là nguyên nhân bệnh lý**
 - e. Cách cho ăn ngay từ đầu.
10. Triệu chứng lâm sàng liên quan đến hạ calci máu ở thể còi xương bào thai, chọn câu sai: (câu này cái nào cũng có)
- a. Khóc dạ đề
 - b. Nấc cục
 - c. Ợc sữa
 - d. Tiêu và tiểu són nhiều lần
 - e. Bỏ bú.
11. Phòng ngừa thiếu máu thiếu sắt
- a. Bú mẹ ít nhất đến 6 tháng**
 - b. Nên bú thêm sữa bình vì sữa mẹ ít chất sắt hơn.
 - c. Bổ sung sắt cho trẻ sinh non
 - d. Có thể ăn dặm sớm từ tháng 4
 - e. Bổ sung sắt cho phụ nữ mang thai.
12. Lâm sàng của thiếu máu thiếu sắt, chọn câu sai:
- a. Diễn tiến từ từ, tùy theo mức độ thiếu máu
 - b. Da xanh xao, niêm nhạt.
 - c. Tóc khô gãy, rụng
 - d. Gan lách thường to ở trẻ lớn. (to ở nhũ nhi thôi)**
 - e. Móng dẹt, mất bóng.
13. Xét nghiệm trong thiếu máu thiếu sắt toàn phát:
- a. Sắt giảm, Feritin giảm, tranferrin giảm, độ bão hòa tranferin giảm
 - b. Sắt giảm, Feritin giảm, tranferrin giảm, độ bão hòa tranferin tăng.
 - c. Sắt giảm, Feritin giảm, tranferrin (tự do) tăng, độ bão hòa tranferin giảm (Độ bão hòa là số tranferrin kết hợp vs sắt rồi , còn tranferin k kết hợp vs sắt là tranferin tự do)**
 - d. Sắt giảm, ferritin tăng, tranferrin tăng, độ bão hòa tranferin giảm
 - e. Sắt giảm, Feritin tăng, tranferrin giảm, độ bão hòa tranferin giảm
14. Henoch – Scholine
- a. là tình trạng viêm mạch máu lớn thường gặp ở trẻ em. (mạch máu đường kính nhỏ)
 - b. 90% bệnh gặp ở trẻ em thường (3-15t)**
 - c. Trẻ em da đen thường bị bệnh nhiều hơn trẻ da trắng và châu Á. (ít ở da đen)
 - d. Chủ yếu liên quan đến yếu tố gia đình (có nhưng ít)
 - e. Liên quan đến HLA B4 và DR 35. (HLA B35 và DR4)
15. Biểu hiện lâm sàng thường gặp nhất của Henoch – Scholine trên:

- a. Mắt
 - b. Da**
 - c. Thận
 - d. Tiêu hóa
 - e. Khớp.
16. Đặc điểm lâm sàng của viêm tai giữa cấp, ngoại trừ:
- a. Thường gặp ở trẻ >2 tuổi**
 - b. Nam nhiều hơn nữ
 - c. Sốt và đau tai là 2 triệu chứng lâm sàng thường gặp
 - d. Khoảng 80% trẻ bị ít nhất 1 lần và bệnh thường tái phát
 - e. Có thể gây biến chứng viêm tai xương chũm, nhiễm trùng huyết.
17. Tác nhân gây viêm thanh khí phế quản cấp thường gặp là:
- a. RSV
 - b. Parainfluenza virus (con này đứng đầu, RSV đứng 2 :v 2 con này cộng lại chiếm 84%)**
 - c. Haemophilus influenza
 - d. Adenovirus
 - e. Mycoplasma.
18. Chẩn đoán phân biệt viêm thanh khí quản cấp, ngoại trừ:
- a. Bạch hầu thanh quản
 - b. Bướu máu vùng thanh quản (thường nằm dưới sụn nắp thanh quản, triệu chứng gồm khò khè và khó thở thanh quản)
 - c. Dị vật thanh quản
 - d. Viêm phổi khò khè**
 - e. Mềm sụn thanh quản
19. Xoang nào sau đây thông ra lỗ giữa của cuống mũi
- a. Hàm, sàng trước và trán / Sàng sau và bướm = lỗ trên/ lệ đạo= lỗ dưới**
 - b. Hàm, trán và bướm
 - c. Sàng trước, sàng sau và trán
 - d. Sàng trước, sàng sau và bướm
 - e. Hàm, trán và sàng sau
20. Nguyên nhân nào sau đây trong quá trình phát triển thai kì gây giảm sản phổi lúc sinh
- a. Dị dạng mạch máu phổi
 - b. Đa ối
 - c. Thoát vị hoành
 - d. Dò khí – thực quản
 - e. Tổn thương trung tâm hô hấp
21. Sơ sinh hay tắc mũi khi bị viêm họng do mũi:
- a. Nhỏ
 - b. Ngắn
 - c. Niêm mạc mỏng
 - d. Nhiều mao mạch
 - e. Dễ bị sung huyết
22. Theo Stephen Berman, viêm tiểu phế quản nặng có 1 trong những dấu hiệu sau, ngoại trừ:
- a. Thở rên

- b. Nhịp thở > 70 lần/phút
 - c. Co lõm ngực nặng
 - d. Có dấu mất nước
 - e. SpO2 <90% (94)
23. Trẻ > 3 tháng tuổi, bị VTPQ được nhập viện khi có 1 trong các dấu hiệu sau, ngoại trừ:
- a. Nhịp thở >= 70 lần/phút
 - b. Mạch >= 120 lần/phút (150)
 - c. Tím tái
 - d. Bứt rứt, vật vã
 - e. Xẹp phổi trên X quang.
24. Biện pháp nào sau đây không phải là điều trị chuẩn với VTPQ
- a. Dinh dưỡng, bù nước và điện giải
 - b. Oxy liệu pháp nếu có giảm oxy máu
 - c. Khí dung thuốc dẫn phế quản
 - d. Khí dung nước muối ưu trương
 - e. Khí dung Ribavirin khi trẻ có bệnh tim phổi mãn và nhiễm RSV.
25. Điều trị không được khuyến cáo cho trẻ VTPQ là
- a. Thông đường thở bằng nước muối sinh lí
 - b. Oxy liệu pháp nếu có chỉ định
 - c. Dinh dưỡng và bù điện giải
 - d. Thuốc dẫn phế quản đường uống
 - e. Kháng sinh nếu trẻ có bội nhiễm
26. Chỉ định thở oxy khi trẻ có VP, chọn câu sai
- a. Thở rên ở trẻ <2 tháng
 - b. Thở co lõm ngực nặng
 - c. Không bú được
 - d. Thở nhanh so với tuổi
 - e. Tím.
27. Một trẻ 3 tuổi đến khám vì ho, khó thở, khám lâm sàng có thở nhanh và ran phổi, chưa nằm viện, được chẩn đoán viêm phổi. Yếu tố tiên đoán tốt nhất tác nhân gây bệnh trong viêm phổi mắc phải cộng đồng là
- a. Triệu chứng lâm sàng
 - b. Giới
 - c. Tuổi
 - d. Bất thường trên Xquang
 - e. Mức độ nặng của bệnh.
28. Một bé gái 18 tháng tuổi được chẩn đoán viêm phổi rất nặng, đã được điều trị bằng Cefotaxim chích 3 ngày, lâm sàng còn sốt cao, thở co lõm ngực nặng. Xét nghiệm nào có giá trị tìm vi trùng gây viêm phổi ở bé này
- a. Huyết thanh chẩn đoán
 - b. Hút dịch khí quản qua đường mũi NTA
 - c. Nội soi và rửa phế quản
 - d. Cấy máu
 - e. Tất cả đều đúng
29. Một trẻ gái 12 tháng tuổi, ho nhiều kèm bú kém đến khám tại phòng khám ngoại chấn, bác sĩ cần làm gì để biết bé có viêm phổi hay không
- a. Hỏi có sốt không
 - b. Hỏi có khạc đàm xanh không

- c. Đếm nhịp thở
 - d. Hỏi nguồn lây cảm cúm trong nhà
 - e. Tất cả đúng
30. Đục thủy tinh thể bẩm sinh thường do
- a. Mẹ nhiễm chất độc da cam
 - b. Mẹ thiếu Vit A lúc mang thai
 - c. Mẹ nhiễm Rubella lúc mang thai
 - d. Di truyền
 - e. Sang chấn lúc sinh.
31. Phòng ngừa dị tật bẩm sinh, không bao gồm:
- a. Giáo dục tiền hôn nhân
 - b. Tránh tiếp xúc với các yếu tố nguy cơ
 - c. Chỉ sử dụng thuốc theo toa
 - d. Tham vấn di truyền
 - e. Tầm soát GBS ở âm đạo phụ nữ mang thai
32. Vấn đề nào Không phải là vấn đề Nhi xã hội trong thời kì dậy thì
- a. Hoang thai
 - b. Tự tử
 - c. Nghiện hút
 - d. Rối loạn kinh nguyệt
 - e. Bệnh lây truyền đường tình dục
33. Trẻ sơ sinh 15 ngày tuổi đến khám vì sốt, mẹ khai 2 mẹ con có nằm lửa, lúc bé sốt thì tay chân máy. MẸ đã chp bé uống hạ sốt ngay và đưa bé đi khám. Lúc vào viện, nhiệt độ ghi nhận 37độ C. Chọn câu đúng:
- a. Khen bà mẹ đã làm tốt khi đưa bé đi khám ngay
 - b. Khám bé cẩn thận
 - c. Cho bé nhập viện
 - d. A, B đúng
 - e. A, B, C đúng
34. Một trẻ, sinh mổ vì cổ tử cung không tiến triển, ối vỡ 10h, mẹ sốt 38,5 độ, nước ối hôi, ở thai 37 tuần, APGAR 8-9, cân nặng 2,9kg. Sau sinh bú khóc ngay, bú tốt khám lâm sàng bình thường.
- a. Trẻ này non tháng
 - b. Trẻ này đủ cân (nhẹ cân là <2,5 kg)
 - c. Trẻ này bị nhiễm trùng sơ sinh
 - d. Trẻ này không bị nhiễm trùng sơ sinh
 - e. Theo dõi lâm sàng và xét nghiệm nếu có bất thường thì cho kháng sinh ngay.
35. tác nhân NTT, chọn câu sai
- a. Trẻ càng nhỏ triệu chứng càng mơ hồ
 - b. Trẻ sơ sinh có thể có biểu hiện nhiễm trùng tian thân
 - c. Nhiễm trùng tiểu dưới thường có hội chứng niệu đọa cấp
 - d. Viêm đài bể thận cấp trẻ nhũ nhi thường biểu hiện bằng sốt, đau hông lưng.
 - e. Viêm đài bể thận cấp thường trẻ sốt, đau hông lưng và ít chồ hội chứng.
36. Tác nhân NTT, chọn câu sai
- a. Thường là gram +
 - b. Ecoli thường gặp nhất, chiếm 85% NTT ngoài cộng đồng

- c. Vi trùng non ecoli thường gây NTT trên cơ địa bất thường đường tiểu
 - d. Staphylococcus aureus hiếm khi gặp ở NTT
 - e. Enterococcus là gram + đường ruột có thể gây NTT
37. Giá trị của Nitrit (-) trong TPTNT trong chẩn đoán NTT là Nhảy khoảng 70 và đặc hiệu khoảng 90
- a. Độ đặc hiệu khoảng 60-70%
 - b. Độ đặc hiệu khoảng 75%
 - c. Độ nhạy trên 90%
 - d. Độ nhạy thấp hơn 40%
 - e. Tất cả đều sai
38. Một trẻ 3 tháng tuổi, khi bị NTT trên sẽ có triệu chứng
- a. Sốt cao, bú kém
 - b. Tiểu đau
 - c. Rối loạn đi tiểu
 - d. Đau hông lưng
 - e. Tất cả đều đúng.
39. Trong HCTH, dễ bị nhiễm trùng do
- a. Mất a protein
 - b. Giảm Albumin máu
 - c. Tăng hoạt tính vi khuẩn
 - d. Mất globulin miễn dịch
 - e. Tất cả đều đúng.
40. Triệu chứng sớm của HCTH tái phát là
- a. Trẻ tiểu ít
 - b. Phù mắt và lan toàn thân
 - c. Trẻ tăng cân nhanh
 - d. Quen nhúng nước tiểu có đạm 3 ngày liên tiếp
 - e. Mi mắt trẻ sưng.
41. Điều trị cần thiết cho bệnh nhân bị VCTC hậu nhiễm trùng là
- a. Giảm phù
 - b. Kiểm soát huyết áp
 - c. Prednisone
 - d. Kháng sinh diệt liên cầu
 - e. Lọc thận
42. Một trường hợp HCTH lệ thuộc Corticoide là
- a. Không lui bệnh hoàn toàn dù đã điều trị corticoid quá 8 tuần
 - b. Tái phát 2 lần khi đang điều trị corticoid hay ngưng thuốc chưa quá 14 ngày
 - c. Tái phát 2 lần trong 6 tháng
 - d. Tái phát 4 lần trong 1 năm
 - e. Tái phát khi ngưng corticoid.
43. Bệnh nhi nam 3 tuổi, nặng 1,7kg nhập viện vì phù toàn thân, bệnh nhân có Ha= 100/60 mmHg, Cre máu 0.4 mg/dl, TPTNT có protein 4+, Ery = neg, Leu (-)
- a. VCTC
 - b. NTT
 - c. HCTH
 - d. VCTTTN

- e. Phù do SDD
44. Trẻ 18 ngày tuổi, đến khám vì chướng bụng, bú kém, tiêu lỏng. Khám lâm sàng cho thấy trẻ đừ, Xét nghiệm nào không cần làm
- a. CRP
 - b. Soi phân
 - c. X quang bụng
 - d. Cấy phân
 - e. Cấy máu
45. Yếu tố quan trọng nhất khi khám 1 bệnh nhi tiêu chảy cấp:
- a. Sinh hiệu
 - b. Tiền căn tiêu chảy trước đó
 - c. Dấu mất nước
 - d. Tìm nguyên nhân tiêu chảy
 - e. Đánh giá có thiếu Zn hay không
46. Bé Hoàng 12 tháng, đến khám vì tiêu phân lỏng 6-7 lần mỗi ngày trong 2 ngày qua. Khám thấy bé tỉnh táo, nhìn dõi theo đồ vật xung quanh. Bé có mắt trũng và được mẹ xác nhận. Hoàng có uống háo hức và dấu véo da mất nhanh. Phân loại mất nước của bé.
- a. Không mất nước
 - b. Có mất nước
 - c. Mất nước nhẹ
 - d. Mất nước vừa
 - e. Mất nước nặng.
47. Câu nào đúng cho vaccin ngừa tiêu chảy nặng do Rota virus:
- a. Có thể dùng từ sơ sinh để bảo vệ sớm (liều 1: 6tuần, sơ sinh <1 tháng)
 - b. Dùng đường uống
 - c. Các liều các ít nhất 4 tháng (4 tuần)
 - d. Nếu uống đủ liều và đúng lịch sẽ ngừa được tiêu chảy cấp do Rotavirus gây ra
 - e. Là 1 vaccin trong chương trình tiêm chủng mở rộng.
48. Chọn câu đúng về triệu chứng nôn
- a. Là triệu chứng thể hiện bệnh của đường tiêu hóa (dĩ nhiên sai)
 - b. Là phản xạ bảo vệ cơ thể (cái này nghe vô lí vãi nhưng đúng)
 - c. Đều qua vùng CTZ (trung tâm nôn chứ k phải CTZ)
 - d. Liên quan đến thần kinh V (X)
 - e. Trung tâm nôn được kích thích hóa học, CTZ được kích thích bởi điện. (thực ra CTZ là được kích hóa học còn cái trung tâm nôn được kích bằng ĐIỆN)
49. Các đặc điểm cần hỏi khi tiếp cận 1 bệnh nhân nôn
- a. Thời điểm xuất hiện
 - b. Số lần nôn
 - c. Liên quan đến bữa ăn và tư thế.
 - d. Đặc tính nôn
 - e. Tất cả để đúng
50. Với bệnh nhân nôn nhiều và xảy ra sớm trong vài ngày đầu sau sinh, không được quên các nguyên nhân: (Xem lại)
- a. Viêm dạ dày
 - b. Tắc nghẽn hô hấp

- c. Xuất huyết não màng não do thiếu Vit K
- d. Nhiễm trùng rốn
- e. Dị tật bẩm sinh.

51. Vai trò của thuốc chống nôn

- a. Nên được sử dụng trong mọi trường hợp nhằm giảm triệu chứng cho bé.
- b. Quan trọng trong các trường hợp say tàu xe, trĩ ung thư, nôn hậu phẫu
- c. Sử dụng đường tĩnh mạch trong các trường hợp ngoại khoa
- d. Một số thuốc gây hội chứng nội thào
- e. Dùng sau mỗi lần nôn.

Tình huống 52 – 54: Bệnh nhi 10 tuổi, chẩn đoán thấp tim, viêm tim nhẹ.

52. Bệnh nhi cần phải nghỉ ngơi bao lâu:

- a. 2 tuần
- b. 4 tuần
- c. 6 tuần
- d. 3 tháng
- e. 6 tháng.

53. Điều trị kháng viêm cho bệnh nhi này như thế nào

- a. Aspirin uống liều tấn công trong 2 tuần và liều duy trì trong 6 tuần
- b. Prenisonde uống liều tấn công trong 2 tuần và liều duy trì trong 4 tuần
- c. Prenisonde uống liều tấn công trong 2 tuần, giảm liều từ từ rồi ngưng
- d. Prenisonde uống liều tấn công 2 tuần , giảm liều từ từ kèm theo aspirin uống
- e. Methylprenisonde tiêm mạch 2 ngày, sau đó uống prenisonde liều tấn công 3 tuần, rồi giảm liều từ từ trong 4 tuần.

54. Bệnh nhân này cần được dùng kháng sinh dự phòng thấp tái phát trong bao lâu.

- a. đến 15 tuổi
- b. đến 18 tuổi
- c. đến 25 tuổi
- d. đến 40 tuổi
- e. suốt đời.

Tình huống 55-56: Bệnh nhi nam 8 tuổi, đến khám vì sốt ngày 3, than đau họng, nuốt đau, không kèm sổ mũi. Bác sĩ khám thấy có họng đỏ, 2 amydanle to nhẹ, hạch góc hàm 1cm, đau, to.

55. Tác nhân sau đây nhiều khả năng gây bệnh ở bệnh nhân này.

- a. Strep Pneumo
- b. Strepto Group A
- c. Staphy aureus
- d. Staphy epidemi
- e. Hemophilus influenza

56. Bệnh lý nào có thể xảy ra theo cơ chế miễn dịch

- a. Thấp tim
- b. VCTC
- c. HCTH

d. A và B

e. A, B và C

57. Trẻ 30 tháng được đánh giá thừa cân nếu:

a. $CN/CC > 120\%$

b. $CN/CC > +2SD$

c. BMI > bách phân vị thứ 85

d. BMI > bách phân vị thứ 95

e. BMI > 2SD

58. Yếu tố nào không tăng nguy cơ béo phì

a. Cha mẹ nghèo

b. Thánh phố

c. Mùa trong năm

d. Ngủ nhiều

e. Béo lúc nhỏ

59. Thời gian ngủ của một trẻ gái 8 tuổi bao nhiêu là đủ

a. Từ 7h trở lên

b. 8h trở lên

c. 9h trở lên

d. 10h trở lên

e. 11h trở lên

60. Bé gái Hồng, 36 tháng, cân nặng theo tuổi -3,7 SD, chiều cao theo tuổi là -2,5 SD. Cân nặng theo chiều cao là -2,7 SD, vòng cánh tay 113mm. Đánh giá dinh dưỡng:

a. SDD cấp trung bình

b. SDD cấp nặng

c. SDD mạn

d. A và C Đúng

e. B và C đúng.

61. Bé Hùng có cân nặng 7,5kg. Biết rằng cân nặng theo tuổi lý tưởng ở tuổi này là 10kg. độ lệch chuẩn là 1kg. Như thế cân nặng theo Z score của bé hiện tại là. $(7,5-10)/1$

a. - 3SD

b. - 2,5 SD

c. - 1,25 SD

d. -1 SD

e. 0SD

62. Dinh dưỡng tốt cho trẻ nhằm mục đích sau ngoại trừ:

a. Phòng tránh các bệnh cấp và mạn tính

b. Phát triển tiềm năng thể chất

c. Phát triển tiềm năng trí tuệ

d. Tạo nên 1 nguồn dự trữ đối đầu các kích xúc

e. 50% nhu cầu hằng ngày dành cho tăng trưởng. (50% là dùng cho chuyển hóa cơ bản)

63. Nhu cầu năng lượng hằng ngày theo lứa tuổi (calo/kg/ ngày)

a. sơ sinh – 3 tháng :100, 3-6 tháng 110, 6-12 tháng 100, 1-3 tuổi: 90, 3-5 tuổi: 95

b. sơ sinh – 3 tháng :100, 3-6 tháng 100, 6-12 tháng 95, 1-3 tuổi: 90, 3-5 tuổi: 90

- c. sơ sinh – 3 tháng :110, 3-6 tháng 100, 6-12 tháng 100, 1-3 tuổi: 95, 3-5 tuổi: 90
- d. sơ sinh – 3 tháng :90, 3-6 tháng 95, 6-12 tháng 100, 1-3 tuổi: 95, 3-5 tuổi: 100
- e. sơ sinh – 3 tháng :95, 3-6 tháng 95, 6-12 tháng 100, 1-3 tuổi: 90, 3-5 tuổi: 95
64. Phân bố tỉ lệ calo giữa các chất như sau:
- a. đạm 13%, đường 60%, béo 27% (P: 12-15% L: 20-25%, G: 60-70%)
- b. 27-13-60
- c. 15-60-25
- d. 25-60-15
65. Nguyên nhân thiếu Vit A ở trẻ em VN, chọn câu sai:
- a. Trên 70% các bà mẹ chưa biết tận dụng sữa non
- b. Khi bị mất sữa hoặc không đủ sữa, trẻ chỉ đơn thuần được nuôi dưỡng
- c. Đa số trẻ dưới 3 tuổi đều bị kiêng chất béo
- d. 60% các bà mẹ chưa biết cho con ăn dặm chất khác
- e. trẻ thường thiếu rau xanh, trái cây, thịt, trứng cá.
66. Lứa tuổi thường kiểm tra sọ BCG để đánh giá hiệu quả chủng ngừa lao là
- a. 1 tháng
- b. 2 tháng
- c. 4 tháng
- d. 6 tháng
- e. 8 tháng.
67. Chọn câu đúng về tình huống chủng ngừa cho trẻ sơ sinh khi mẹ có HbsAg +
- a. Không cần chủng ngừa vì đã có kháng thể từ mẹ cho
- b. Chủng ngừa viêm gan B trong 12h sau sinh
- c. Chích HBIG trong 12h sau sinh
- d. Chủng ngừa Viêm gan siêu vi B trong 12h sau sinh và chích HBIG cùng lúc vào 2 thời điểm khác nhau
- e. Làm xét nghiệm HbsAg cho trẻ sau liều đầu 1-2 tháng.
68. Một bà mẹ bế bé trai 12 tháng đến khám chủng ngừa, bé đã được chủng ngừa lao lúc mới sinh: VGSV B – Hib – Bạch hầu – Ho gà – uốn ván – bại liệt 3 lần vào lúc 2,4, và 6 tháng tuổi. sởi lúc 9 tháng tuổi. Loại cần tiêm hôm nay cho trẻ là:
- a. Thương hàn
- b. Sởi quai bị rubella (lúc này chơi shot ATM3, có thể chích được VgA, Thủy đậu, Viêm màng não – JEV và MMR nhưng chơi con 3 phát cho có lợi.)
- c. Thủy đậu
- d. Phế cầu
- e. Vaccin 5 trong 1 quinvaxem.
69. Đặc điểm Kawasaki ngoại trừ
- a. Viêm mạch máu không đặc hiệu ở mạch máu lớn và trung bình (Thực ra là nhỏ đến TB)
- b. Thường xảy ra ở ng châu á
- c. Có nguy cơ tổn thương đm vành, thận và mạc treo tràng

- d. Trong giai đoạn cấp có thể gây viêm cơ tim và bán cấp có thể gây nhồi máu cơ tim
- e. Đây là bệnh tim mắc phải thường gặp nhất ở trẻ e ở các nước phát triển

70. Chẩn đoán Kawasaki thể không điển hình khi

- a. 1 tiêu chuẩn chính + 4 phụ + dẫn mạch vành
- b. 2 chính + 3 phụ + dẫn mạch vành
- c. 3 chính + 3 phụ + dẫn mạch vành
- d. 2/5 tiêu chuẩn + sốt trên 5 ngày + dẫn mạch vành
- e. 3/5 tiêu chuẩn + sốt trên 5 ngày + dẫn mạch vành.